



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thực phẩm Lâm Đồng

Ngày 30/09/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-4.9%	-

DT thuần Q3/25
9.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.09 0.9%
YoY: ▲ 1.94 24.3%

LN thuần Q3/25
1.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.71 295%
YoY: ▲ 2.23 203%

LN sau thuế Q3/25
1.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.70 274%
YoY: ▲ 2.41 181%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
10.9%
YoY: +/- ▲ 17.2%

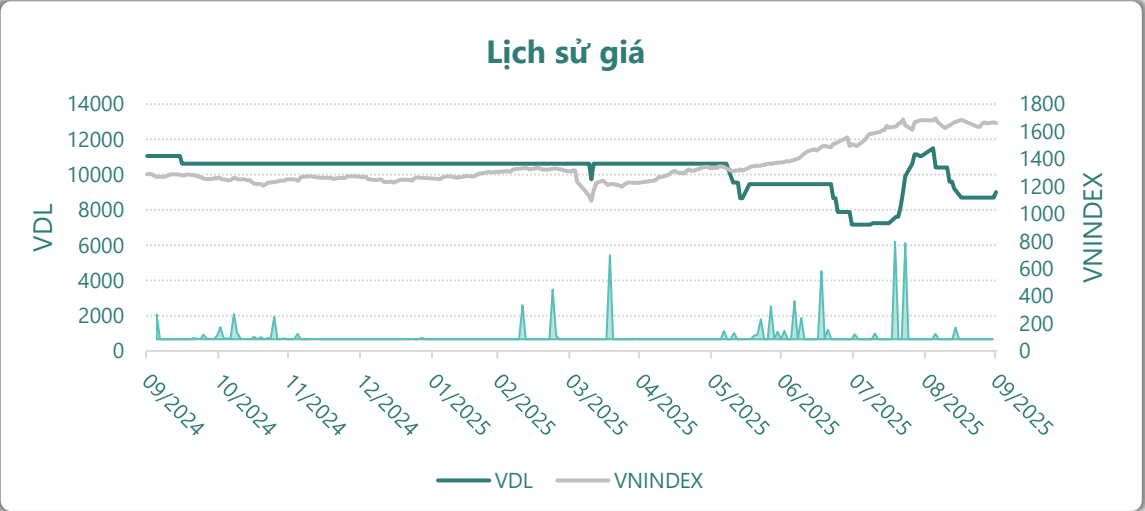
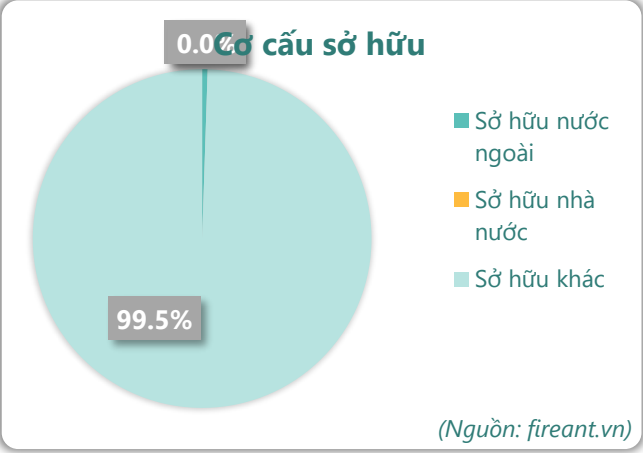
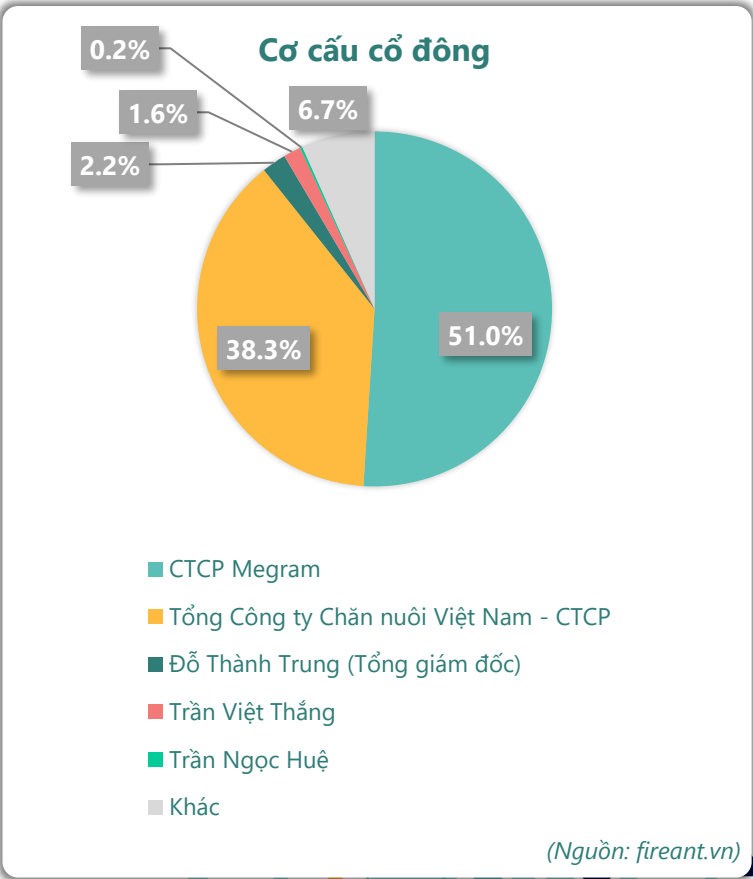
ROE (TTM) Q3/25
2.1%
YoY: +/- ▲ 1.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,165 - 11,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
Số lượng CPLH (CP)	14,657,150
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,005
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.11
EPS	228
P/E	39.4

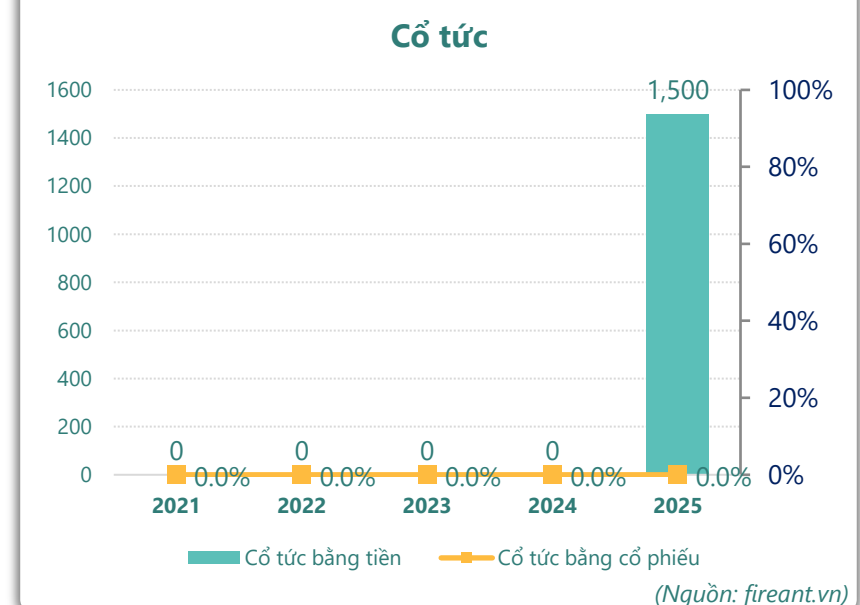
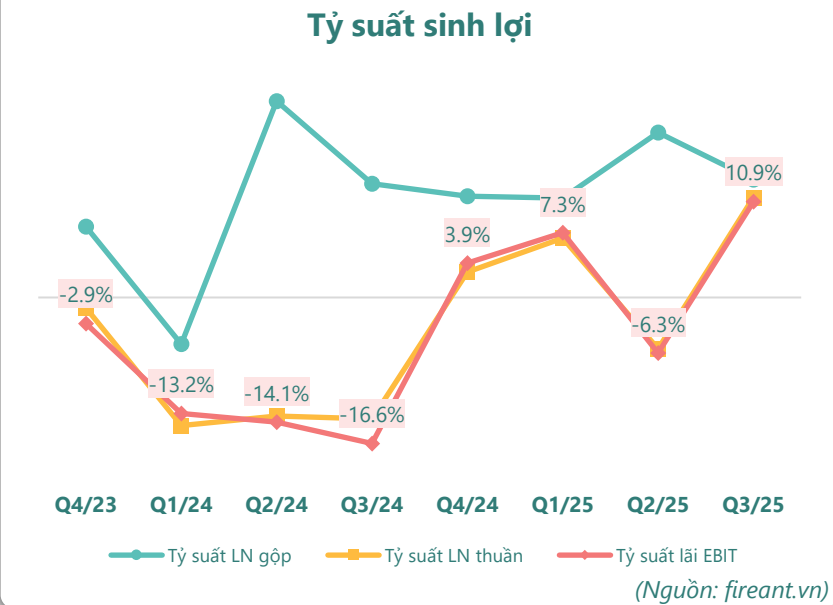
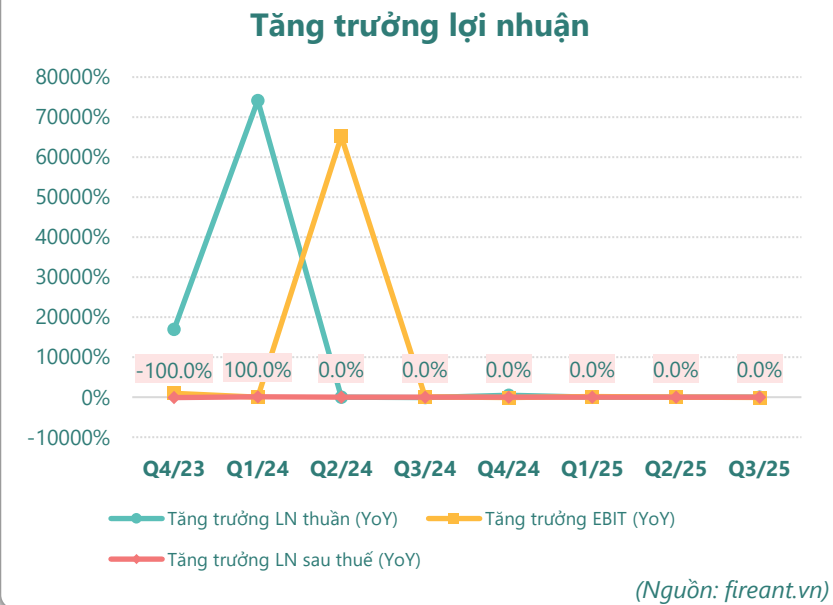
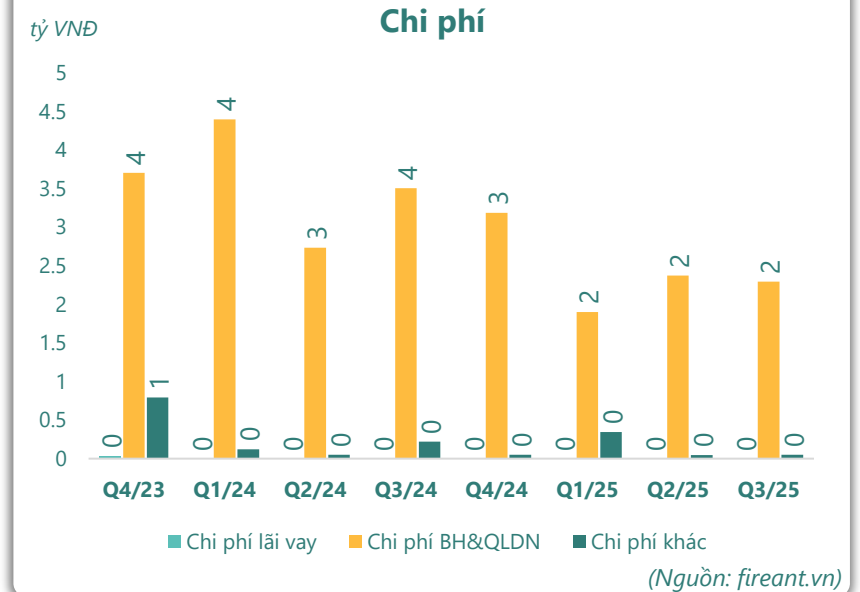
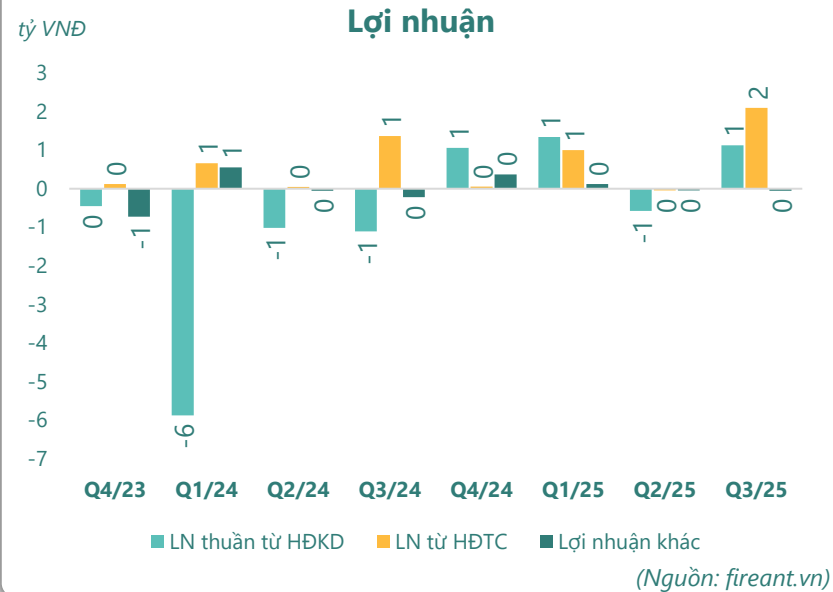
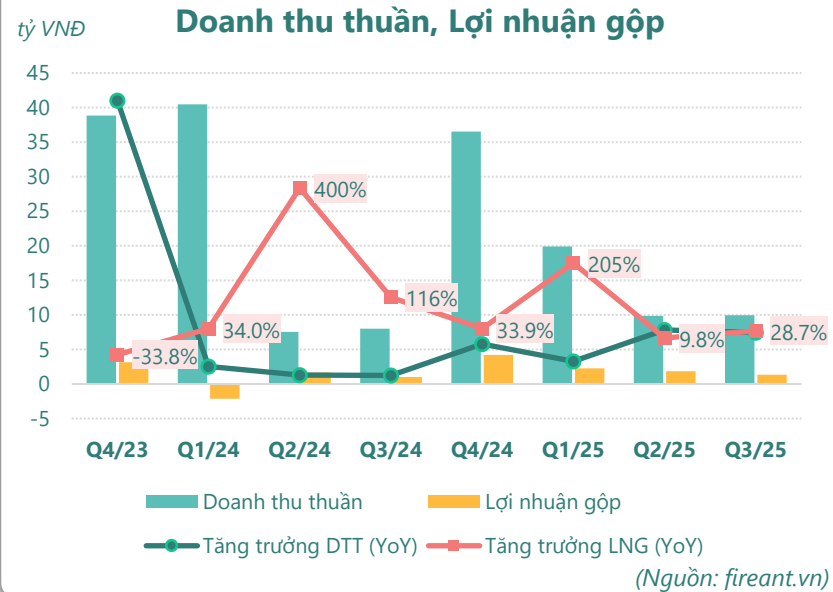
DT thuần 9T 2025
39.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.3 -29.1%

LN thuần 9T 2025
1.90
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.90 124%

LN sau thuế 9T 2025
1.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.4 117%



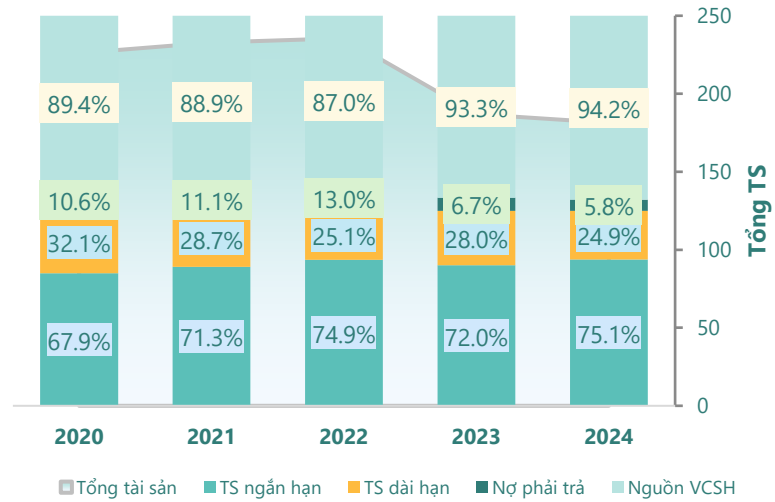
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

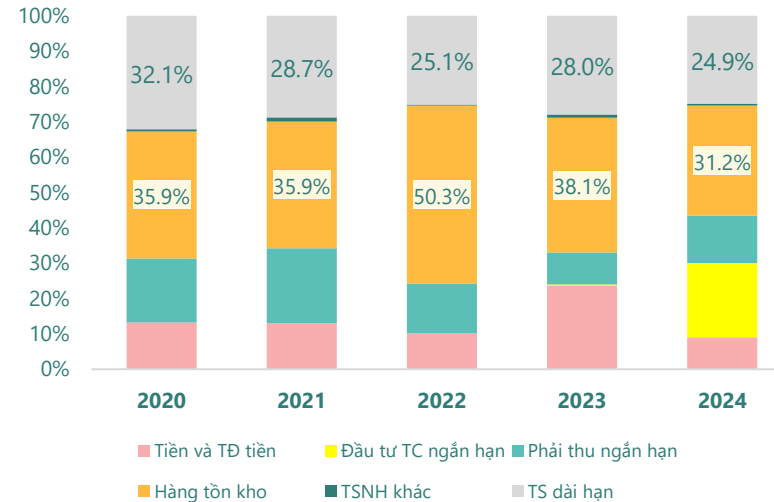
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

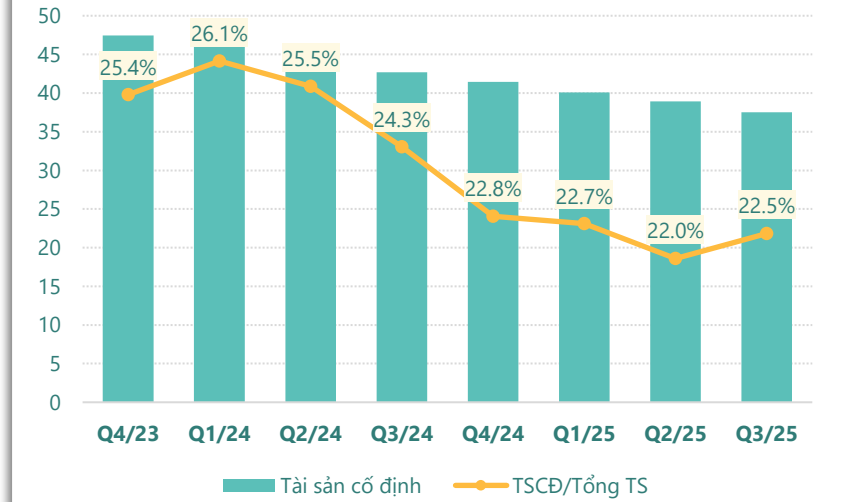
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

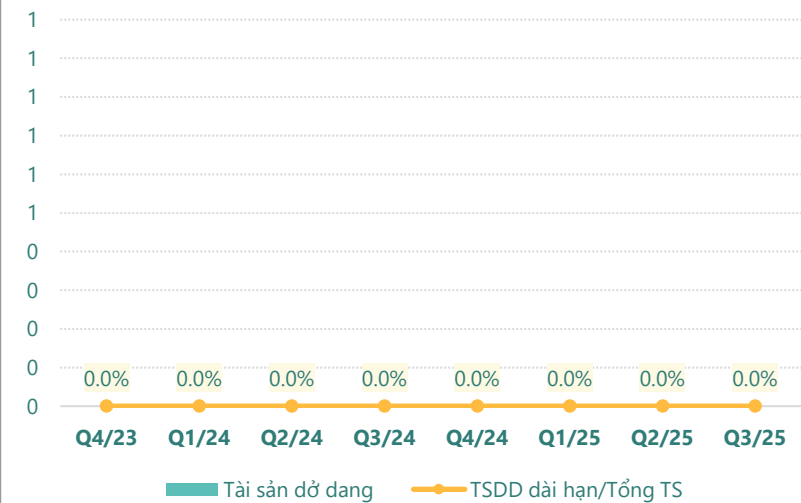
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

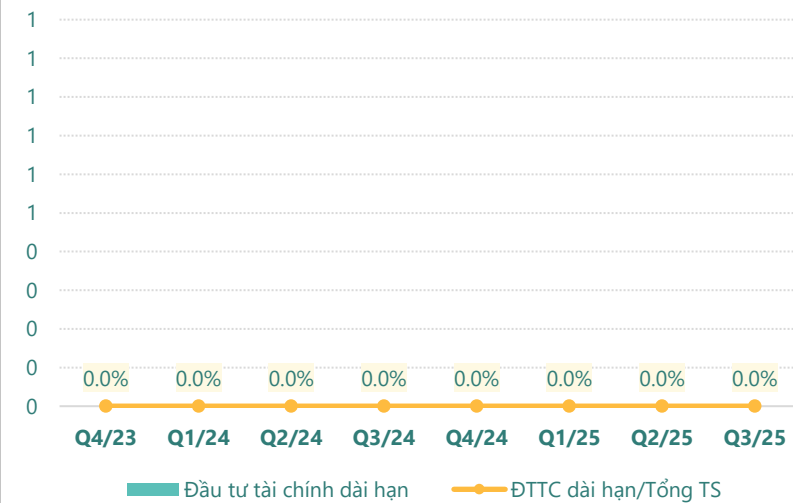
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

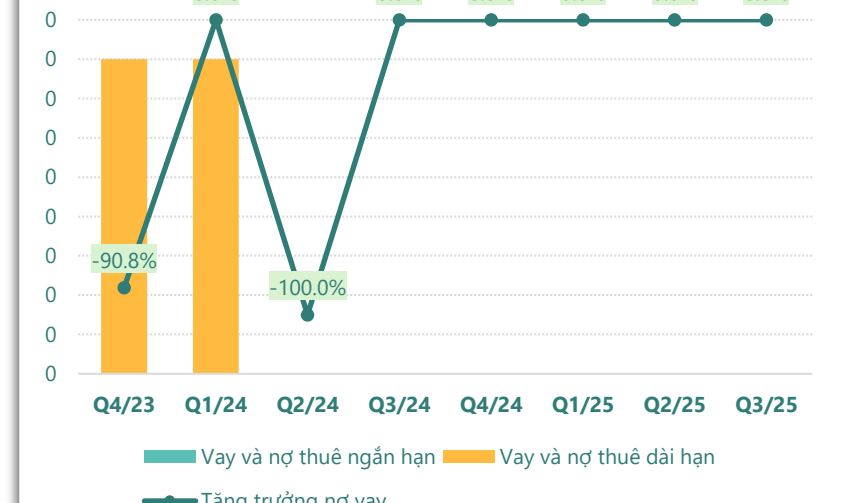
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

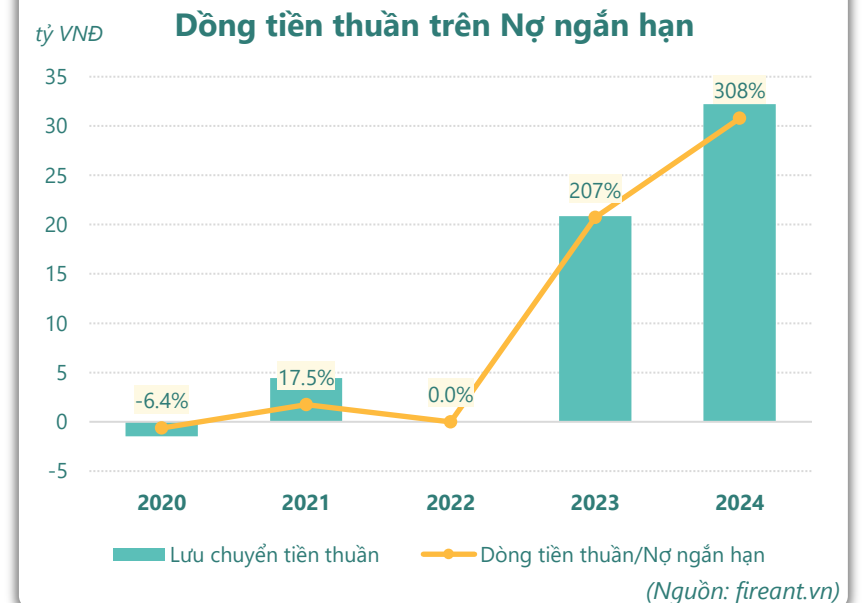
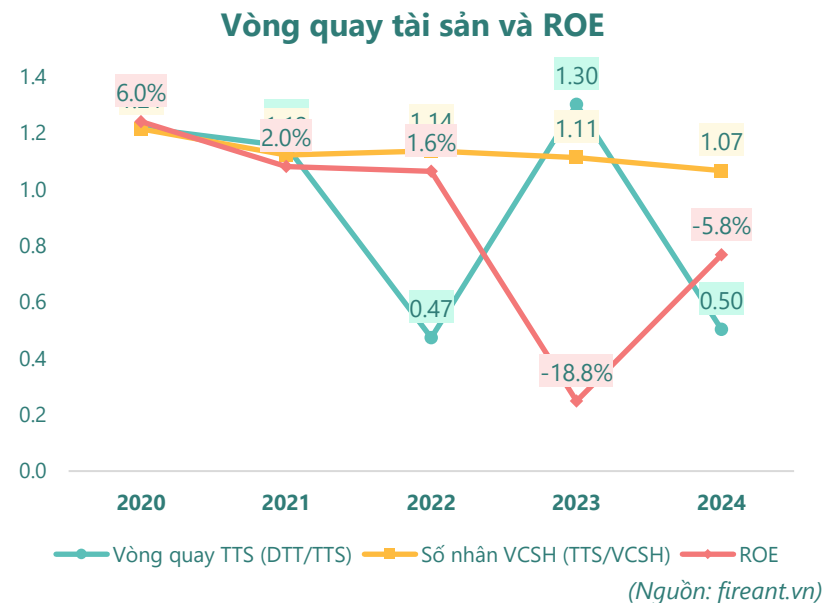
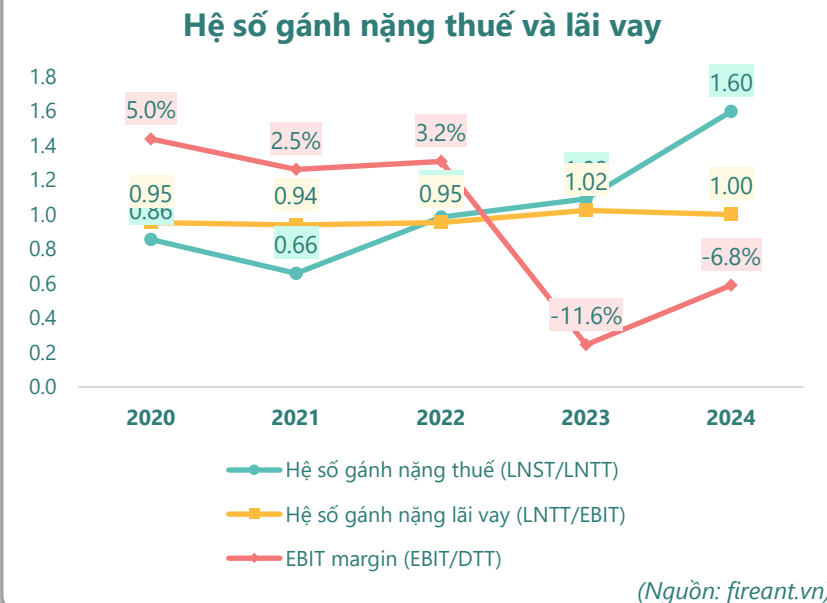
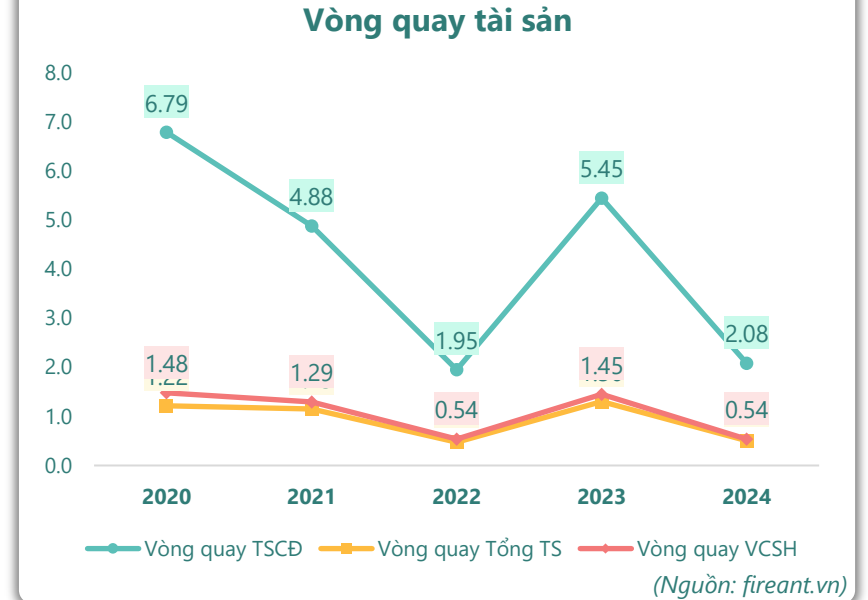
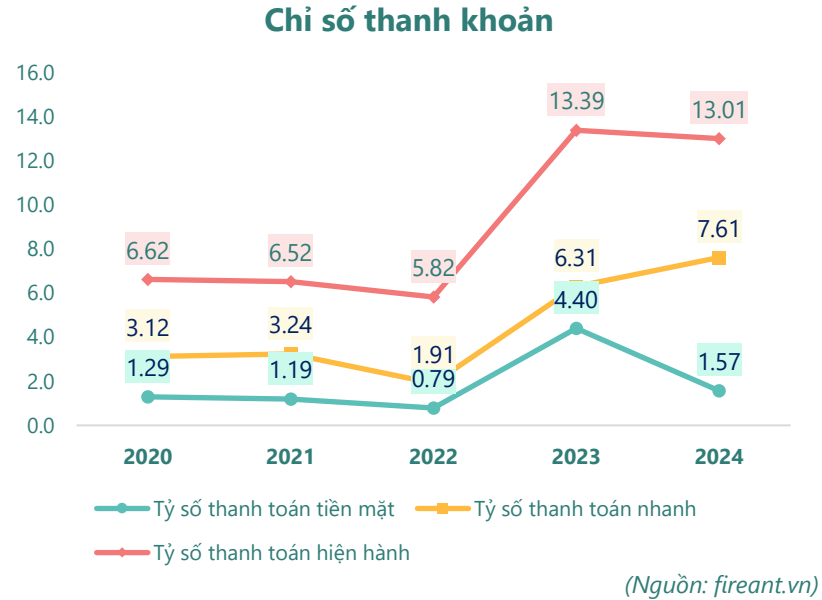
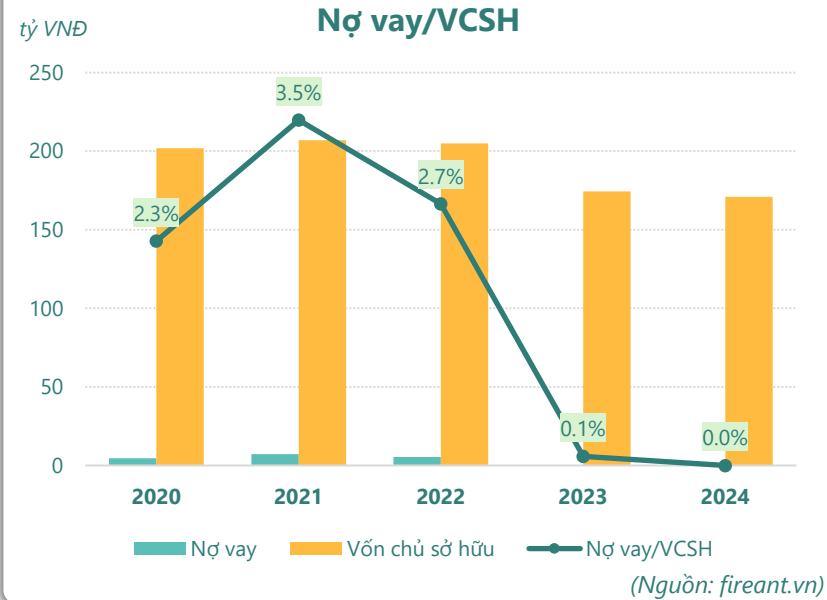
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	9.94	8.00	24.3%	39.7	56.0	-29.1%
Giá vốn hàng bán	8.61	6.97	23.6%	34.3	55.4	-38.2%
Lợi nhuận gộp	1.33	1.03	29.1%	5.42	0.57	850%
Doanh thu HĐTC	2.10	1.38	51.9%	3.12	2.14	45.6%
Chi phí TC	0.00	0.01	-99.9%	0.07	0.07	1.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.63	0.62	1.7%	1.66	2.13	-22.2%
Chi phí QLDN	1.67	2.88	-42.2%	4.92	8.52	-42.3%
LN thuần từ HĐKD	1.13	-1.10	203%	1.90	-8.00	124%
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.22	77.9%	0.02	0.28	-91.2%
LN trước thuế	1.08	-1.33	181%	1.92	-7.72	125%
Lợi nhuận sau thuế	1.08	-1.33	181%	1.92	-11.5	117%
LNST của CĐ cty mẹ	1.08	-1.33	181%	1.92	-11.5	117%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.13	-1.97	-6.43	13.2	2.65	-6.57
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	10.7	6.03	-25.1	-5.00	19.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.16	0	0	0	-11.3
Tiền đầu kỳ	17.4	8.35	16.8	16.5	4.66	2.28
Lưu chuyển tiền thuần	-9.09	8.53	-0.40	-11.9	-2.35	1.41
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.04	-0.04	0.07
Tiền cuối kỳ	8.35	16.8	16.5	4.66	2.28	3.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	167	181	-8.1%
Tài sản ngắn hạn	126	136	-7.5%
Tiền và tương đương tiền	3.76	16.5	-77.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.2	38.0	5.8%
Phải thu ngắn hạn	21.7	24.3	-10.6%
Hàng tồn kho	58.0	56.5	2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.28	0.94	144%
Tài sản dài hạn	40.7	45.2	-9.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	37.5	41.5	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.21	3.74	-14.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.3	10.5	55.8%
Nợ ngắn hạn	16.3	10.5	55.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.85	2.16	-14.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	150	171	-12.0%
Vốn chủ sở hữu	150	171	-12.0%
Vốn điều lệ	147	147	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

